

## TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-KTTL ngày tháng năm 2017 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

Ngày cập nhật: Ngày 14 tháng 12 năm 2017

| TT         | Công trình/ Khu tưới       | Địa điểm xây dựng (xã) | Cột nước hữu ích Hhd (m) | Dung tích hữu ích ( $10^3 m^3$ ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m) | Dung tích hiện tại ( $10^3 m^3$ ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) | Ghi chú                |
|------------|----------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Thị xã Gia Nghĩa</b>    |                        |                          | <b>6.423,200</b>                 |                      |                                                                   | <b>6.423,200</b>                  | <b>100,00</b>                                    |                        |
| 1          | Hồ Nam Đa                  | Đắk Nia                | 8,20                     | 1.082,400                        | Tự do                | 0,02                                                              | 1.082,400                         | 100                                              |                        |
| 2          | Hồ Chế Biển                | Đắk Nia                | 4,00                     | 689,710                          | Tự do                | 0,26                                                              | 689,710                           | 100                                              |                        |
| 3          | Hồ Faj Kol Poul Dăng       | Đắk Nia                | 5,40                     | 400,000                          | Tự do                | 0,03                                                              | 400,000                           | 100                                              |                        |
| 4          | Hồ Đắk Noh (Đắk Đô)        | Đắk Nia                | 4,70                     | 426,600                          | Tự do                | 0,02                                                              | 426,600                           | 100                                              |                        |
| 5          | Hồ Đắk Cút                 | Đắk Nia                | 7,41                     | 790,100                          | Tự do                | 0,00                                                              | 790,100                           | 100                                              |                        |
| 6          | Hồ Thôn 2B                 | Đắk Nia                | 6,00                     | 330,690                          | Tự do                | 0,01                                                              | 330,690                           | 100                                              |                        |
| 7          | Hồ Đắk Rial                | Đắk Nia                | 8,40                     | 306,200                          | Tự do                | 0,10                                                              | 306,200                           | 100                                              |                        |
| 8          | Hồ Rẫy Mới                 | Quảng Thành            | 3,00                     | 102,500                          | Tự do                | 0,02                                                              | 102,500                           | 100                                              |                        |
| 9          | Hồ Tân Hiệp 1              | Đắk R'moan             | 5,50                     | 766,600                          | Tự do                | 0,03                                                              | 766,600                           | 100                                              |                        |
| 10         | Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú      | Nghĩa Phú              | 5,10                     | 68,900                           | Tự do                | 0,01                                                              | 68,900                            | 100                                              |                        |
| 11         | Hồ Sinh Ba                 | Nghĩa Trung            | 3,10                     | 249,500                          | Cửa van              | 0,10                                                              | 249,500                           | 100                                              |                        |
| 12         | Hồ Tổ 5                    | Nghĩa Trung            | 4,00                     | 300,000                          | Tự do                | 0,02                                                              | 300,000                           | 100                                              |                        |
| 13         | Hồ Tổ 6                    | Nghĩa Trung            | 4,50                     | 305,000                          | Tự do                | 0,02                                                              | 305,000                           | 100                                              |                        |
| 14         | Hồ Đắk Nút                 | Nghĩa Đức              | 4,95                     | 605,000                          | Tự do                | 0,10                                                              | 605,000                           | 100                                              |                        |
| <b>II</b>  | <b>Huyện Krông Nô</b>      |                        |                          | <b>20.792,340</b>                |                      |                                                                   | <b>20.404,430</b>                 | <b>98,13</b>                                     |                        |
| 1          | Công trình thủy lợi Đắk Rồ | Đắk Đ'ró               | 18,50                    | 12.510,000                       | Cửa van              | -0,80                                                             | 12.122,090                        | 97                                               | Đóng cửa van điều tiết |
| 2          | Hồ Đắk Nang                | Đắk Nang               | 3,60                     | 2.697,000                        | Tự do                | 0,35                                                              | 2.697,000                         | 100                                              |                        |
| 3          | Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)        | Nam Đà                 | 4,00                     | 2.665,000                        | Tự do                | 0,12                                                              | 2.665,000                         | 100                                              |                        |
| 4          | Hồ Đắk Hou                 | Nam N'Dir              | 1,50                     | 637,000                          | Tự do                | 0,00                                                              | 637,000                           | 100                                              |                        |
| 5          | Hồ Đắk Pok                 | Nam N'Dir              | 2,50                     | 846,000                          | Tự do                | 0,00                                                              | 846,000                           | 100                                              |                        |
| 6          | Hồ Đắk Mhang               | Nam Nung               | 2,00                     | 638,000                          | Tự do                | 0,05                                                              | 638,000                           | 100                                              |                        |
| 7          | Hồ Buôn Rạp                | Nam Nung               | 5,10                     | 598,000                          | Tự do                | 0,10                                                              | 598,000                           | 100                                              |                        |
| 8          | Hồ Buôn Dong               | Quảng Phú              | 3,17                     | 173,870                          | Tự do                | 0,00                                                              | 173,870                           | 100                                              |                        |
| 9          | Hồ Buôn Lang               | Quảng Phú              | 7,06                     | 27,470                           | Tự do                | 0,00                                                              | 27,470                            | 100                                              |                        |
| 10         | Trạm Bơm Đắk Rên           | Nam N'Dir              |                          |                                  |                      | 1,20                                                              |                                   |                                                  |                        |
|            | - Trạm bơm số 1            | Nam N'Dir              |                          |                                  |                      | 1,20                                                              |                                   |                                                  |                        |
|            | - Trạm bơm số 1A           | Nam N'Dir              |                          |                                  |                      | 1,20                                                              |                                   |                                                  |                        |
|            | - Trạm bơm số 2            | Nam N'Dir              |                          |                                  |                      | 1,20                                                              |                                   |                                                  |                        |
|            | - Trạm bơm số 3            | Nam N'Dir              |                          |                                  |                      | 1,20                                                              |                                   |                                                  |                        |
|            | - Trạm bơm số 4            | Nam N'Dir              |                          |                                  |                      | 1,20                                                              |                                   |                                                  |                        |
|            | - Trạm bơm số 5            | Nam N'Dir              |                          |                                  |                      | 1,20                                                              |                                   |                                                  |                        |
| 11         | Trạm bơm Buôn Choách       | Buôn Choách            |                          |                                  |                      | 2,10                                                              |                                   |                                                  |                        |
| 12         | Trạm bơm D12 Buôn Suk      | Quảng Phú              |                          |                                  |                      | 1,50                                                              |                                   |                                                  |                        |
| <b>III</b> | <b>Huyện Đắk Song</b>      |                        |                          | <b>12.611,230</b>                |                      |                                                                   | <b>12.584,450</b>                 | <b>99,79</b>                                     |                        |
| 1          | Hồ Đắk Toa                 | Thuận Hà               | 5,00                     | 1.717,660                        | Tự do                | -0,02                                                             | 1.700,000                         | 99                                               |                        |
| 2          | Hồ Sinh Muống              | Thuận Hạnh             | 3,00                     | 1.431,000                        | Tự do                | 0,03                                                              | 1.431,000                         | 100                                              |                        |
| 3          | Hồ Đắk Kuăl                | Đắk N'Drung            | 7,77                     | 1.230,700                        | Cửa van              | 0,09                                                              | 1.230,700                         | 100                                              |                        |
| 4          | Đập Đắk Nhai               | Trường Xuân            | 8,01                     | 1.064,700                        | Tự do                | 0,03                                                              | 1.064,700                         | 100                                              |                        |
| 5          | Hồ Cư Prông                | Đắk Mol                | 5,00                     | 115,000                          | Tràn giếng           | 0,31                                                              | 115,000                           | 100                                              |                        |
| 6          | Hồ Đắk Mol                 | Đắk Mol                | 4,50                     | 759,000                          | Tự do                | 0,09                                                              | 759,000                           | 100                                              |                        |
| 7          | Hồ Đắk RLon                | TĐ Đức An              | 8,80                     | 907,670                          | Cửa van              | 0,03                                                              | 907,670                           | 100                                              |                        |
| 8          | Hồ Đắk Mruông              | TĐ Đức An              | 5,70                     | 321,500                          | Tràn giếng           | -0,19                                                             | 312,380                           | 97                                               |                        |
| 9          | CTTL Đắk Lép               | Nam N'Jang             | 7,00                     | 641,800                          | Tự do                | 0,01                                                              | 641,800                           | 100                                              |                        |
| 10         | Thủy lợi Nam N'Jang        | Nam N'Jang             | 4,40                     | 563,950                          | Cửa van              | 0,02                                                              | 563,950                           | 100                                              |                        |
| 11         | Hồ Đắk Pông Bê             | Đắk N'Drung            | 6,80                     | 748,800                          | Tự do                | 0,05                                                              | 748,800                           | 100                                              |                        |
| 12         | Hồ Suối Đá                 | Đắk N'Drung            | 4,50                     | 252,000                          | Tự do                | 0,00                                                              | 252,000                           | 100                                              |                        |
| 13         | Hồ Thôn 2                  | Đắk N'Drung            | 4,20                     | 145,000                          | Tự do                | 0,14                                                              | 145,000                           | 100                                              |                        |
| 14         | Hồ Thôn 5                  | Đắk N'Drung            | 3,20                     | 135,000                          | Cửa van              | 0,04                                                              | 135,000                           | 100                                              |                        |
| 15         | Hồ Thôn 7 (Bu Bong)        | Đắk N'Drung            | 3,20                     | 114,000                          | Tự do                | 0,08                                                              | 114,000                           | 100                                              |                        |
| 16         | Hồ Thuận Tân               | Thuận Hạnh             | 6,00                     | 262,000                          | Tự do                | 0,03                                                              | 262,000                           | 100                                              |                        |
| 17         | Hồ Thuận Thành             | Thuận Hạnh             | 8,70                     | 742,600                          | Cửa van              | 0,02                                                              | 742,600                           | 100                                              |                        |
| 18         | Hồ Đắk Mrung               | Thuận Hạnh             | 2,70                     | 479,950                          | Tự do                | 0,02                                                              | 479,950                           | 100                                              |                        |
| 19         | Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)    | Trường Xuân            | 4,70                     | 455,900                          | Tràn giếng           | 0,05                                                              | 455,900                           | 100                                              |                        |
| 20         | Hồ Thôn 3                  | Trường Xuân            | 5,30                     | 249,500                          | Tự do                | 0,03                                                              | 249,500                           | 100                                              |                        |
| 21         | CTTL Đắk Cai               | Trường Xuân            | 3,90                     | 273,500                          | Tự do                | 0,01                                                              | 273,500                           | 100                                              |                        |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Tuy Đức</b>       |                        | -                        | <b>14.154,520</b>                |                      |                                                                   | <b>14.130,307</b>                 | <b>99,83</b>                                     |                        |
| 1          | Hồ Đắk RTih                | Đắk R'Tih              | 6,00                     | 2.224,000                        | Tự do                | 0,01                                                              | 2.224,000                         | 100                                              |                        |
| 2          | Hồ Đắk Buk So              | Đắk Buk Sor            | 3,53                     | 1.081,000                        | Tự do                | 0,00                                                              | 1.081,000                         | 100                                              |                        |
| 3          | Hồ Đắk Ría                 | Đắk R'Tih              | 3,60                     | 1.049,000                        | Tự do                | 0,02                                                              | 1.049,000                         | 100                                              |                        |
| 4          | Hồ Đắk Ké                  | Quảng Trục             | 4,70                     | 313,300                          | Tự do                | -0,01                                                             | 305,687                           | 98                                               |                        |
| 5          | Hồ Đắk Huýt                | Quảng Trục             | 7,50                     | 390,000                          | Tự do                | 0,08                                                              | 390,000                           | 100                                              |                        |
| 6          | Hồ Đắk Biêng               | Đắk R'Tih              | 3,20                     | 709,000                          | Cửa van              | 0,04                                                              | 709,000                           | 100                                              |                        |
| 7          | Đập Bon Đắk Bu Lum         | Quảng Trục             | 5,50                     | 138,470                          | Tự do                | 0,03                                                              | 138,470                           | 100                                              |                        |
| 8          | Hồ Đắk Ké 2                | Quảng Trục             | 6,90                     | 387,100                          | Tự do                | -0,40                                                             | 370,500                           | 96                                               |                        |
| 9          | Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)       | Quảng Trục             | 5,00                     | 107,900                          | Tự do                | 0,05                                                              | 107,900                           | 100                                              |                        |
| 10         | Hồ Doãn Văn                | Đắk R'Tih              | 3,90                     | 728,400                          | Tự do                | 0,02                                                              | 728,400                           | 100                                              |                        |
| 11         | Đập Đắk Bu Rley            | Đắk R'Tih              | 5,30                     | 115,520                          | Tự do                | 0,01                                                              | 115,520                           | 100                                              |                        |
| 12         | Hồ Đắk BLung               | Đắk Buk Sor            | 5,70                     | 562,300                          | Tự do                | 0,02                                                              | 562,300                           | 100                                              |                        |
| 13         | Đập Đắk Glun 1             | Đắk Ngo                | 7,13                     | 460,800                          | Tự do                | 0,03                                                              | 460,800                           | 100                                              |                        |
| 14         | Đập Đắk Glun 2             | Đắk Ngo                | 8,00                     | 460,800                          | Tự do                | 0,01                                                              | 460,800                           | 100                                              |                        |
| 15         | Đập Đắk Glun 3             | Đắk Ngo                | 8,00                     | 562,500                          | Tự do                | 0,01                                                              | 562,500                           | 100                                              |                        |
| 16         | Đập Đắk Rma                | Đắk Buk Sor            | 4,00                     | 335,800                          | Tự do                | 0,50                                                              | 335,800                           | 100                                              |                        |
| 17         | Đập Đắk Huýt 4             | Quảng Trục             | 4,30                     | 377,830                          | Tự do                | 0,03                                                              | 377,830                           | 100                                              |                        |
| 18         | Đập D2                     | Quảng Trục             | 7,00                     | 815,000                          | Tự do                | 0,05                                                              | 815,000                           | 100                                              |                        |

| TT  | Công trình/ Khu tưới           | Địa điểm xây dựng (xã) | Cột nước hữu ích Hhd (m) | Dung tích hữu ích (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m) | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) | Ghi chú                |
|-----|--------------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------|
| 19  | Hồ Số 1                        | Đắk Ngo                | 4,58                     | 824,000                                             | Tự do                | 0,03                                                              | 824,000                                              | 100                                              |                        |
| 20  | Hồ Số 2                        | Đắk Ngo                | 48,39                    | 426,300                                             | Tự do                | 0,04                                                              | 426,300                                              | 100                                              |                        |
| 21  | Hồ Số 3                        | Đắk Ngo                | 5,06                     | 382,500                                             | Tự do                | 0,03                                                              | 382,500                                              | 100                                              |                        |
| 22  | Hồ Số 4                        | Đắk Ngo                | 5,00                     | 368,000                                             | Tự do                | 0,03                                                              | 368,000                                              | 100                                              |                        |
| 23  | Hồ Đắk Tiên Tranh              | Đắk Buk So             | 4,10                     | 1.335,000                                           | Tự do                | 0,00                                                              | 1.335,000                                            | 100                                              |                        |
| V   | <b>Huyện Đắk RLấp</b>          |                        |                          | <b>27.251,610</b>                                   |                      |                                                                   | <b>26.939,090</b>                                    | <b>98,85</b>                                     |                        |
| 1   | Hồ Đắk RTang                   | Kiến Thành             | 4,00                     | 1.340,000                                           | Tự do                | 0,30                                                              | 1.340,000                                            | 100                                              |                        |
| 2   | Hồ Thôn 2 (Đắk Sin)            | Đắk Sin                | 3,80                     | 1.213,000                                           | Cửa van              | -0,90                                                             | 1.107,930                                            | 91                                               |                        |
| 3   | Hồ Cầu Tư                      | Nghĩa Thắng            | 5,00                     | 8.000,000                                           | Tự do                | 0,00                                                              | 8.000,000                                            | 100                                              |                        |
| 4   | Hồ Nhân Cơ                     | Nhân Cơ                | 4,50                     | 1.104,000                                           | Cửa van              | -0,50                                                             | 1.076,390                                            | 97                                               |                        |
| 5   | Đập Quảng Lộc                  | Đạo Nghĩa              | 9,10                     | 1.103,000                                           | Tự do                | 0,00                                                              | 1.103,000                                            | 100                                              |                        |
| 6   | Hồ Đắk Cồn                     | Đạo Nghĩa              | 4,80                     | 658,000                                             | Tự do                | 0,02                                                              | 658,000                                              | 100                                              |                        |
| 7   | Hồ Đắk Sinh (Hồ thôn 5)        | Đắk Sin                | 3,50                     | 914,000                                             | Tự do                | 0,10                                                              | 914,000                                              | 100                                              |                        |
| 8   | Thủy lợi Bàu Muối              | Nhân Đạo               | 4,84                     | 938,000                                             | Tự do                | -0,04                                                             | 934,610                                              | 99,64                                            |                        |
| 9   | Hồ Đắk Nêr                     | Nhân Đạo               | 6,10                     | 990,000                                             | Tự do                | 0,04                                                              | 990,000                                              | 100                                              |                        |
| 10  | Hồ Thôn 11                     | Nhân Cơ                | 6,50                     | 451,700                                             | Tự do                | 0,10                                                              | 451,700                                              | 100                                              |                        |
| 11  | Hồ Số 3                        | Nhân Cơ                | 5,40                     | 168,000                                             | Tự do                |                                                                   |                                                      | 0                                                | Đang thi công          |
| 12  | Hồ Thôn 12                     | Nhân Cơ                | 6,50                     | 382,500                                             | Tự do                | 0,00                                                              | 382,500                                              | 100                                              |                        |
| 13  | Hồ Thôn 5                      | Đắk Sin                | 4,80                     | 702,070                                             | Tự do                | 0,08                                                              | 702,070                                              | 100                                              |                        |
| 14  | Đập Thôn 5                     | Đắk Sin                | 6,90                     | 745,000                                             | Tự do                | 0,05                                                              | 745,000                                              | 100                                              |                        |
| 15  | Hồ Đắk Sin                     | Đắk Sin                | 3,40                     | 646,540                                             | Tự do                | 0,03                                                              | 646,540                                              | 100                                              |                        |
| 16  | Hồ Đắk Blao                    | TT Kiến Đức            | 4,00                     | 264,500                                             | Tự do                | 0,50                                                              | 264,500                                              | 100                                              |                        |
| 17  | Thủy lợi Da Dung               | TT Kiến Đức            | 8,60                     | 269,000                                             | Tự do                | 0,00                                                              | 269,000                                              | 100                                              |                        |
| 18  | Hồ Đắk RMur                    | Nhân Đạo               | 6,90                     | 714,000                                             | Tự do                | 0,15                                                              | 714,000                                              | 100                                              |                        |
| 19  | Hồ Đắk Rsung                   | Nhân Đạo               | 5,40                     | 427,000                                             | Tự do                | 0,03                                                              | 427,000                                              | 100                                              |                        |
| 20  | Hồ Bon Pi Nao                  | Nhân Đạo               | 6,77                     | 916,000                                             | Tự do                | 0,03                                                              | 916,000                                              | 100                                              |                        |
| 21  | Hồ Sa Da Co                    | Quảng Tín              | 6,00                     | 300,000                                             | Tự do                | 0,20                                                              | 300,000                                              | 100                                              |                        |
| 22  | Hồ Thôn 9 Quảng Tín            | Quảng Tín              | 6,60                     | 517,000                                             | Tự do                | 0,00                                                              | 517,000                                              | 100                                              |                        |
| 23  | Thủy lợi Đắk Xá                | Quảng Tín              | 4,10                     | 408,000                                             | Tự do                | 0,05                                                              | 408,000                                              | 100                                              |                        |
| 24  | Hồ Đắk Ru I                    | Đắk Ru                 | 3,20                     | 332,000                                             | Tự do                | 0,05                                                              | 332,000                                              | 100                                              |                        |
| 25  | Hồ Đắk Ru II                   | Đắk Ru                 | 6,00                     | 767,000                                             | Tự do                | 0,15                                                              | 767,000                                              | 100                                              |                        |
| 26  | Hồ Đắk Tắt                     | Hưng Bình              | 5,00                     | 714,000                                             | Tự do                | 0,03                                                              | 714,000                                              | 100                                              |                        |
| 27  | Đập thôn 8 Đắk Sin             | Hưng Bình              | 4,30                     | 418,000                                             | Cửa van              | 0,03                                                              | 418,000                                              | 100                                              |                        |
| 28  | Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)         | Kiến Thành             | 6,60                     | 590,000                                             | Tự do                | 0,05                                                              | 590,000                                              | 100                                              |                        |
| 29  | Hồ Thôn 2                      | Quảng Tín              | 4,00                     | 56,000                                              | Tự do                | 0,10                                                              | 56,000                                               | 100                                              |                        |
| 30  | Hồ Bon Bu Ja Rá                | Nghĩa Thắng            | 5,40                     | 494,000                                             | Tự do                | 0,30                                                              | 494,000                                              | 100                                              |                        |
| 31  | Hồ Đắk Krung                   | Đắk Wer                | 1,70                     | 532,000                                             | Tự do                | 0,08                                                              | 532,000                                              | 100                                              |                        |
| 32  | Đập Đắk Jeng Tung              | Kiến Thành             | 5,50                     | 177,300                                             | Cửa van              | -0,50                                                             | 168,85                                               | 95                                               |                        |
| VI  | <b>Huyện Đắk GLong</b>         |                        |                          | <b>14.220,600</b>                                   |                      |                                                                   | <b>14.131,070</b>                                    | <b>99,37</b>                                     |                        |
| 1   | Hồ Thủy điện                   | Quảng Sơn              | 3,50                     | 1.200,000                                           | Tự do                | -0,25                                                             | 1.131,000                                            | 94                                               |                        |
| 2   | Hồ Công ty 847                 | Quảng Sơn              | 4,00                     | 1.098,450                                           | Tự do                | -0,02                                                             | 1.085,000                                            | 99                                               |                        |
| 3   | Hồ Đắk Hlang                   | Quảng Khê              | 7,70                     | 524,170                                             | Tự do                | 0,02                                                              | 524,170                                              | 100                                              |                        |
| 4   | Hồ Trường Học                  | Quảng Khê              | 2,50                     | 190,000                                             | Tự do                | 0,03                                                              | 190,000                                              | 100                                              |                        |
| 5   | Nao Ma A                       | Quảng Khê              | 9,60                     | 568,800                                             | Tự do                | 0,01                                                              | 568,800                                              | 100                                              |                        |
| 6   | Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đơi)        | Quảng Khê              | 2,17                     | 410,300                                             | Tự do                | 0,01                                                              | 410,300                                              | 100                                              |                        |
| 7   | Hồ Thôn 4                      | Quảng Khê              | 8,50                     | 356,320                                             | Tự do                | 0,02                                                              | 356,320                                              | 100                                              |                        |
| 8   | Hồ Đắk Srê                     | Quảng Khê              | 4,30                     | 732,900                                             | Tự do                | 0,01                                                              | 732,900                                              | 100                                              |                        |
| 9   | Hồ Thôn 3                      | Quảng Khê              | 2,00                     | 350,000                                             | Tự do                | 0,05                                                              | 350,000                                              | 100                                              |                        |
| 10  | CTTL Nder                      | Quảng Khê              | 8,27                     | 414,000                                             | Tự do                | 0,00                                                              | 414,000                                              | 100                                              |                        |
| 11  | Hồ Bäs Rai                     | Quảng Khê              | 3,50                     | 750,000                                             | Tự do                | 0,00                                                              | 750,000                                              | 100                                              |                        |
| 12  | Hồ Bi Zê Rê                    | Đắk Som                | 8,00                     | 332,700                                             | Tự do                | 0,02                                                              | 332,700                                              | 100                                              |                        |
| 13  | Hồ BDong                       | Đắk Som                | 2,50                     | 400,000                                             | Tự do                | 0,03                                                              | 400,000                                              | 100                                              |                        |
| 14  | Thủy lợi Thôn 5                | Đắk Som                | 8,40                     | 241,400                                             | Tự do                | -0,15                                                             | 235,250                                              | 97                                               |                        |
| 15  | Hồ Chum Ia                     | Đắk Som                | 3,00                     | 700,000                                             | Tự do                | 0,00                                                              | 700,000                                              | 100                                              |                        |
| 16  | Hồ Thôn 1                      | Đắk Ha                 | 7,80                     | 84,000                                              | Tự do                | 0,01                                                              | 84,000                                               | 100                                              |                        |
| 17  | Hồ Đắk Bông                    | Đắk Ha                 | 8,10                     | 165,120                                             | Tự do                | -0,03                                                             | 164,190                                              | 99                                               |                        |
| 18  | Hồ Đắk Ha                      | Đắk Ha                 | 8,00                     | 691,000                                             | Tự do                | 0,01                                                              | 691,000                                              | 100                                              |                        |
| 19  | Hồ Đắk RTiếng                  | Đắk Ha                 | 8,30                     | 169,340                                             | Tự do                | 0,01                                                              | 169,340                                              | 100                                              |                        |
| 20  | Hồ Trảng Ba                    | Đắk Ha                 | 4,50                     | 270,000                                             | Tự do                | 0,01                                                              | 270,000                                              | 100                                              |                        |
| 21  | Hồ Đắk Snao                    | Đắk R'măng             | 2,90                     | 594,800                                             | Tự do                | 0,01                                                              | 594,800                                              | 100                                              |                        |
| 22  | Hồ Dä Hang Lang                | Đắk R'măng             | 3,50                     | 700,000                                             | Tự do                | 0,00                                                              | 700,000                                              | 100                                              |                        |
| 23  | Hồ Đèo 52(Hồ 831)              | Quảng Sơn              | 6,50                     | 240,000                                             | Tự do                | 0,01                                                              | 240,000                                              | 100                                              |                        |
| 24  | Hồ Đắk Snao 1(Hồ 882A)         | Quảng Sơn              | 3,00                     | 560,250                                             | Tự do                | 0,00                                                              | 560,250                                              | 100                                              |                        |
| 25  | Hồ Đắk Snao 2(Hồ 882B)         | Quảng Sơn              | 7,90                     | 145,000                                             | Tự do                | 0,01                                                              | 145,000                                              | 100                                              |                        |
| 26  | Hồ Đắk Snao 3                  | Quảng Sơn              | 3,50                     | 620,520                                             | Tự do                | 0,02                                                              | 620,520                                              | 100                                              |                        |
| 27  | Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar          | Quảng Sơn              | 8,06                     | 625,500                                             | Tự do                | 0,01                                                              | 625,500                                              | 100                                              |                        |
| 28  | Thủy lợi Đắk Nder 2            | Quảng Sơn              | 3,80                     | 456,030                                             | Tự do                | 0,08                                                              | 456,030                                              | 100                                              |                        |
| 29  | Hồ Km41                        | Quảng Sơn              | 2,50                     | 370,000                                             | Tự do                | 0,15                                                              | 370,000                                              | 100                                              |                        |
| 30  | Hồ Ba Trong                    | Quảng Sơn              | 2,00                     | 260,000                                             | Tự do                | 0,18                                                              | 260,000                                              | 100                                              |                        |
| VII | <b>Huyện Đắk Mil</b>           |                        |                          | <b>19.178,345</b>                                   |                      |                                                                   | <b>18.834,040</b>                                    | <b>98,20</b>                                     |                        |
| 1   | Công trình hồ Đắk Säk          | Đức Minh               | 10,00                    | 7.365,000                                           | Tự do                | 0,03                                                              | 7.365,000                                            | 100                                              |                        |
| 2   | Hồ Tây                         | TT Đắk Mil             | 3,85                     | 2.830,480                                           | Tự do                | 0,06                                                              | 2.830,480                                            | 100                                              |                        |
| 3   | Hồ Núi lửa                     | Thuận An               | 4,00                     | 650,000                                             | Tự do                | -0,37                                                             | 560,923                                              | 86                                               |                        |
| 4   | Công trình Đập Đắk Puer        | Thuận An               | 4,00                     | 350,000                                             | Cửa van              | 0,00                                                              | 350,000                                              | 100                                              | Đóng cửa van điều tiết |
| 5   | Công trình Đập Đắk Goun thượng | Thuận An               | 5,20                     | 498,000                                             | Cửa van              | -0,26                                                             | 490,000                                              | 98                                               | Đóng cửa van điều tiết |
| 6   | Công trình Đập Yok Lom         | Thuận An               | 6,55                     | 513,960                                             | Tự do                | 0,00                                                              | 513,960                                              | 100                                              |                        |
| 7   | Công trình Đập Jun Juh         | Đức Minh               | 8,40                     | 618,680                                             | Cửa van              | 0,02                                                              | 618,680                                              | 100                                              | Đóng cửa van điều tiết |
| 8   | Công trình hồ Đắk Sai          | Đắk Lao                | 3,00                     | 133,400                                             | Cửa van              | 0,04                                                              | 133,400                                              | 100                                              | Đóng cửa van điều tiết |
| 9   | Công trình hồ Đắk Mбай         | Đắk Lao                | 4,56                     | 91,600                                              | Cửa van              | -0,16                                                             | 63,000                                               | 69                                               | Đóng cửa van điều tiết |
| 10  | Công trình hồ Đắk Ken (6B)     | Đắk Lao                | 3,00                     | 30,000                                              | Tự do                | 0,01                                                              | 30,000                                               | 100                                              |                        |
| 11  | Công trình hồ Đắk Louu         | Đắk Lao                | 8,50                     | 20,000                                              | Tự do                | 0,20                                                              | 20,000                                               | 100                                              |                        |
| 12  | Công trình Đắk Rla             | Đắk N'DRót             | 4,00                     | 165,000                                             | Tự do                | 0,03                                                              | 165,000                                              | 100                                              |                        |
| 13  | Công trình Đổ Ry I             | Đắk Rla                | 8,00                     | 283,500                                             | Cửa van              | 0,00                                                              | 283,500                                              | 100                                              | Đóng cửa van điều tiết |
| 14  | Công trình Đổ Ry II            | Đắk Rla                | 12,70                    | 1.314,050                                           | Cửa van              | -1,18                                                             | 1.137,722                                            | 87                                               |                        |
| 15  | Công trình Đắk NDRót           | Đắk N'DRót             | 7,50                     | 220,000                                             | Tự do                | 0,00                                                              | 220,000                                              | 100                                              |                        |
| 16  | Công trình Đắk Láp             | Đắk Găn                | 4,00                     | 165,000                                             | Tự do                | 0,01                                                              | 165,000                                              | 100                                              |                        |
| 17  | Công trình Đắk Goun            | Đắk N'DRót             | 3,70                     | 192,300                                             | Cửa van              | -0,50                                                             | 150,000                                              | 78                                               | Đóng cửa van điều tiết |

| TT          | Công trình/ Khu tưới          | Địa điểm xây dựng (xã) | Cột nước hữu ích Hhd (m) | Dung tích hữu ích ( $10^3\text{m}^3$ ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m) | Dung tích hiện tại ( $10^3\text{m}^3$ ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) | Ghi chú                |
|-------------|-------------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------|
| 18          | Công trình thủy lợi Mạnh Tiến | Đức Mạnh               | 2,50                     | 50,000                                 | Cửa van              | 0,11                                                              | 50,000                                  | 100                                              | Đóng cửa van điều tiết |
| 19          | Công trình hồ Vạn Xuân        | TT Đắk Mil             | 3,00                     | 38,125                                 | Tự do                | 1,95                                                              | 38,125                                  | 100                                              | MN tính từ đáy cống    |
| 20          | Đập ông Truyền                | Đức Minh               | 2,00                     | 30,000                                 | Tự do                | 0,11                                                              | 30,000                                  | 100                                              |                        |
| 21          | Đập ông Hiên                  | Đức Minh               | 3,00                     | 30,000                                 | Tự do                | 0,08                                                              | 30,000                                  | 100                                              |                        |
| 22          | Hồ E29                        | Đắk Sắk                | 2,00                     | 720,000                                | Tự do                | 0,03                                                              | 720,000                                 | 100                                              |                        |
| 23          | Đập Sapa (Hồ đội 3)           | Thuận An               | 2,00                     | 45,000                                 | Tự do                | 0,00                                                              | 45,000                                  | 100                                              |                        |
| 24          | Hồ Bu Đắk                     | Thuận An               | 4,00                     | 475,000                                | Tự do                | 0,00                                                              | 475,000                                 | 100                                              |                        |
| 25          | Hồ Nông trường Thuận An       | Thuận An               | 7,00                     | 315,000                                | Tự do                | 0,50                                                              | 315,000                                 | 100                                              |                        |
| 26          | Hồ Lâm trường Thuận An        | Thuận An               | 6,00                     | 285,000                                | Tự do                | 0,00                                                              | 285,000                                 | 100                                              |                        |
| 27          | Hồ Lâm trường Đắk Găn         | Đắk Găn                | 4,00                     | 61,250                                 | Tự do                | 0,00                                                              | 61,250                                  | 100                                              |                        |
| 28          | Hồ Thác Hôn                   | Đức Mạnh               | 10,00                    | 1.275,000                              | Tự do                | 0,03                                                              | 1.275,000                               | 100                                              |                        |
| 29          | Hồ Đội 2                      | Thuận An               | 4,80                     | 288,000                                | Tự do                | 0,10                                                              | 288,000                                 | 100                                              |                        |
| 30          | Hồ Đội 1                      | Đắk Lao                |                          |                                        | Tự do                | 0,25                                                              |                                         |                                                  | Không có hồ sơ         |
| 31          | Hồ Đội 35                     | Đắk Lao                |                          |                                        | Tự do                | 0,40                                                              |                                         |                                                  | Không có hồ sơ         |
| 32          | Hồ Đội 40                     | Đắk Lao                |                          |                                        | Tự do                | 0,02                                                              |                                         |                                                  | Không có hồ sơ         |
| 33          | Thọ Hoàng                     | Đắk Sắk                | 4,80                     | 125,00                                 | Tự do                | 0,07                                                              | 125,000                                 | 100                                              |                        |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Cư Jút</b>           |                        |                          | <b>11.924,810</b>                      |                      |                                                                   | <b>11.486,620</b>                       | <b>96,33</b>                                     |                        |
| 1           | Hồ Đắk Diêr                   | Cư Knia                | 6,40                     | 5.500,600                              | Tự do                | 0,00                                                              | 5.500,600                               | 100                                              |                        |
| 2           | Hồ Đắk Đrông                  | Đắk Đrông              | 4,00                     | 3.766,700                              | Cửa van              | 0,30                                                              | 3.766,700                               | 100                                              | Đóng cửa van điều tiết |
| 3           | Hồ Buôn Buốt                  | Tầm thảng              | 1,40                     | 113,180                                | Cửa van              | 1,00                                                              | 113,180                                 | 100                                              | Đóng cửa van điều tiết |
| 4           | Hồ Cư Pu                      | Nam Dong               | 6,50                     | 424,000                                | Tự do                | -4,00                                                             | 114,150                                 | 27                                               | Dang tích nước         |
| 5           | Hồ Tiểu Khu 839               | Đắk Wil                | 3,10                     | 194,250                                | Tự do                | 0,00                                                              | 194,250                                 | 100                                              |                        |
| 6           | Hồ Tiểu Khu 840               | Đắk Wil                | 6,05                     | 614,060                                | Tự do                | -0,10                                                             | 603,910                                 | 98                                               |                        |
| 7           | Hồ Ea Dier                    | Đắk Đrông              | 3,90                     | 392,520                                | Tự do                | -0,80                                                             | 274,330                                 | 70                                               |                        |
| 8           | Hồ Trúc Sơn                   | Trúc Sơn               | 6,70                     | 919,500                                | Cửa van              | 0,00                                                              | 919,500                                 | 100                                              | Đóng cửa van điều tiết |
| <b>170</b>  | <b>TỔNG CỘNG:</b>             |                        |                          | <b>126.556,655</b>                     |                      |                                                                   | <b>124.933,207</b>                      | <b>98,72</b>                                     |                        |